

**ĐỀ THI THỬ**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

*(Đề thi có 4 trang)*

**Mã đề thi 132**

**Họ, tên thí sinh:**..... **Số**

**báo danh:**.....

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Ag = 108; Ba = 137.

**Câu 1:** Kim loại nào sau đây phản ứng với nước dễ dàng ở nhiệt độ thường ?

- A. Al.                      B. Mg.                      C. Be.                      D. K.

**Câu 2:** Trong các chất sau, chất nào là chất điện li yếu?

- A. HCl.                      B. NaOH.                      C. H<sub>2</sub>O.                      D. NaCl.

**Câu 3:** Nguyên liệu chủ yếu được dùng để sản xuất Al trong công nghiệp là:

- A. đất sét.                      B. quặng boxit.                      C. cao lanh.                      D. criolit.

**Câu 4:** Chất nào sau đây là dẫn xuất của hiđrocacbon?

- A. CH<sub>4</sub>.                      B. C<sub>6</sub>H<sub>6</sub>.                      C. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>Cl.                      D. CaC<sub>2</sub>.

**Câu 5:** Kim loại Zn có thể khử được ion nào sau đây?

- A. Na<sup>+</sup>.                      B. Mg<sup>2+</sup>.                      C. Ca<sup>2+</sup>.                      D. H<sup>+</sup>.

**Câu 6:** Trong không khí, Fe(OH)<sub>2</sub> dễ bị oxi hóa thành Fe(OH)<sub>3</sub>. Fe(OH)<sub>3</sub> có màu

- A. nâu đỏ.                      B. vàng lục.                      C. da cam.                      D. trắng hơi xanh.

**Câu 7:** Ở nhiệt độ cao, C thể hiện tính oxi hóa khi tác dụng với

- A. O<sub>2</sub>.                      B. CO<sub>2</sub>.                      C. Al.                      D. ZnO.

**Câu 8:** Etanol được coi là cồn sinh học, nó có tính cháy sinh nhiệt như xăng. Người ta pha trộn etanol vào xăng để giảm sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu xăng dầu, ngoài ra còn giúp giảm lượng CO từ 20-30%, CO<sub>2</sub> khoảng 2% so với xăng khoáng thường. Kể từ ngày 1/1/2018 ở Việt Nam xăng E5 (pha 5% Etanol với 95% xăng khoáng) sẽ chính thức thay thế xăng RON 92. Công thức phân tử của etanol là

- A. C<sub>2</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub>.                      B. CH<sub>4</sub>O.                      C. C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>O<sub>2</sub>.                      D. C<sub>2</sub>H<sub>6</sub>O.

**Câu 9:** Chất X có công thức phân tử C<sub>4</sub>H<sub>8</sub>O<sub>2</sub>. Khi X tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra chất Y có công thức CH<sub>3</sub>COONa. Công thức cấu tạo của X là

- A. CH<sub>3</sub>COOC<sub>3</sub>H<sub>5</sub>.                      B. CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.                      C. HCOOC<sub>3</sub>H<sub>7</sub>.                      D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>COOCH<sub>3</sub>.

**Câu 10:** Khi đốt cháy than đá, thu được hỗn hợp khí trong đó có khí X (không màu, không mùi, rất độc). X là khí nào sau đây?

- A. CO.                      B. CO<sub>2</sub>.                      C. SO<sub>2</sub>.                      D. NO<sub>2</sub>.

**Câu 11:** Công thức của crom(III) oxit là

- A. Cr<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.                      B. CrO.                      C. CrO<sub>3</sub>.                      D. Cr(OH)<sub>3</sub>.

**Câu 12:** Polime nào sau đây thuộc loại polime thiên nhiên?

- A. Tơ nilon-6.                      B. Xenlulozơ.                      C. Cao su Buna.                      D. Polietilen.

**Câu 13:** Cho các phát biểu sau:

- (a) Kim loại có khối lượng riêng nhỏ nhất là Li, kim loại cứng nhất là Cr.

- (b) Cho viên Zn vào dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng, nếu thêm vài giọt dung dịch  $\text{CuSO}_4$  thì khí  $\text{H}_2$  sẽ thoát ra nhanh hơn.
- (c) Khi điện phân NaCl nóng chảy (điện cực trơ), tại catôt xảy ra sự khử ion  $\text{Cl}^-$
- (d)  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc nguội, làm thụ động hóa Al, Fe nên có thể dùng thùng bằng nhôm, sắt chuyên chở axit này.
- (e) Tính oxi hóa của  $\text{Ag}^+ > \text{Fe}^{2+} > \text{Cu}^{2+}$ .

Số phát biểu đúng là

- A. 1.                      B. 3.                      C. 4.                      D. 2.

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Ở nhiệt độ thường, triolein là chất lỏng.
- B. Thủy phân phenyl axetat trong kiềm dư không thu được ancol.
- C. Có thể phân biệt vinyl axetat và metyl acrylat bằng dung dịch  $\text{Br}_2$ .
- D. Etyl axetat có nhiệt độ sôi thấp hơn đồng phân axit có cùng khối lượng mol phân tử.

**Câu 15:** Đốt cháy hoàn toàn 6 gam một este đơn chức X thu được 4,48 lít khí  $\text{CO}_2$  (đktc) và 3,6 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Công thức phân tử của X là

- A.  $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ .                      B.  $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ .                      C.  $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$ .                      D.  $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ .

**Câu 16:** Cho 30 gam hỗn hợp hai amin no, đơn chức, mạch hở tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch HCl 1,5M, thu được dung dịch chứa 47,52 gam hỗn hợp muối. Giá trị của V là

- A. 320.                      B. 720.                      C. 480.                      D. 160.

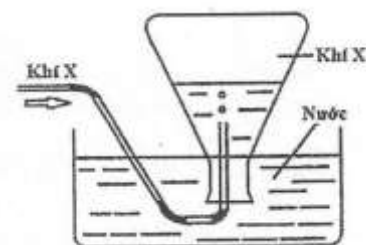
**Câu 17:** Cho các chất sau: buta-1,3-đien, isopren, 2-metylbut-2-en, đimetyl axetilen, vinylaxetilen. Số chất sau khi phản ứng với  $\text{H}_2$  (dư, xúc tác Ni,  $t^\circ$ ) tạo ra butan là

- A. 5.                      B. 4.                      C. 3.                      D. 2.

**Câu 18:** Nhiệt phân hoàn toàn hỗn hợp rắn X gồm  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ ,  $\text{AgNO}_3$ ,  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  thu được chất rắn Y chứa các chất sau

- A. CuO, Ag, FeO.                      B. CuO, Ag,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ .                      C. CuO,  $\text{Ag}_2\text{O}$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ .
- D. Cu, Ag, FeO.

**Câu 19:** Trong phòng thí nghiệm, khí X được điều chế và thu vào bình tam giác bằng cách đẩy nước như hình vẽ bên. Khí X **không** thể là



- A.  $\text{H}_2$ .                      B.  $\text{C}_2\text{H}_4$ .                      C.  $\text{CH}_4$ .                      D.  $\text{NH}_3$ .

**Câu 20:** Sục 11,2 lít  $\text{CO}_2$  (ở đktc) vào 200ml dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  2M. Khối lượng kết tủa thu được là

- A. 59,1 gam.                      B. 98,5 gam.                      C. 78,8 gam.                      D. 19,7 gam.

**Câu 21:** Cho các chất sau: axit axetic, etylaxetat, glucozơ, xenlulozơ, Gly-Ala-Ala. Số chất tác dụng được với  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  ở nhiệt độ thường là

- A. 5.                      B. 2.                      C. 4.                      D. 3.

**Câu 22:** Cho luồng khí CO (dư) đi qua 4,8 gam hỗn hợp X gồm CuO và  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  (tỉ lệ mol là 1: 1) nung nóng đến khi phản ứng hoàn toàn, thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 3,52.                      B. 2,40.                      C. 4,48.                      D. 4,16.

**Câu 23:** Cho dãy gồm các chất sau: NaOH,  $\text{AgNO}_3$ , HCl,  $\text{NH}_3$ ,  $\text{CuSO}_4$ ,  $\text{Na}_2\text{S}$ ,  $\text{Cl}_2$ . Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  là

- A. 5.                      B. 4.                      C. 6.                      D. 7.

**Câu 24:** Tiến hành thí nghiệm với các dung dịch X, Y, Z và T. Kết quả được ghi ở bảng sau:

| Mẫu thử | Thuốc thử                                                | Hiện tượng                   |
|---------|----------------------------------------------------------|------------------------------|
| X       | Quỳ tím                                                  | Quỳ tím chuyển sang màu xanh |
| Z, T    | Dung dịch $\text{AgNO}_3$ trong $\text{NH}_3$ , đun nóng | Tạo kết tủa Ag               |
| Y       | Dung dịch $\text{Br}_2$                                  | Kết tủa trắng                |
| Z       | $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường               | Tạo dung dịch màu xanh lam   |

X, Y, Z và T lần lượt là

- A. Etyl fomat, anilin, glucozơ, andehit axetic.      B. Etylamin, axit acrylic, glucozơ, andehit axetic.  
C. Lysin, anilin, axit axetic, glucozơ.      D. Etylamin, phenol, glucozơ, metyl fomat.

**Câu 25:** Hỗn hợp A gồm hai hợp chất hữu cơ mạch hở X ( $\text{CH}_6\text{O}_3\text{N}_2$ ) và Y ( $\text{C}_2\text{H}_7\text{O}_3\text{N}$ ). A tác dụng hoàn toàn với dung dịch NaOH đun nóng, cho khí Z làm xanh quỳ tím ẩm duy nhất. Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Y tác dụng với dung dịch HCl tạo khí không màu.  
B. X và Y đều tác dụng với dung dịch NaOH dư theo tỉ lệ mol phản ứng là 1: 1.  
C. Khí Z có lực bazơ mạnh hơn  $\text{NH}_3$ .  
D. Z có tên thay thế là metanamin.

**Câu 26:** Cho m gam một loại quặng photphorit (chứa 22,5% tạp chất trơ không chứa photpho) tác dụng vừa đủ với dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc để sản xuất supephotphat đơn. Độ dinh dưỡng của supephotphat đơn thu được là

- A. 35,50%.      B. 23,83%.      C. 52,01%.      D. 28,51%.

**Câu 27:** Nung nóng hỗn hợp X gồm Al và  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  (không có không khí) đến khi phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp rắn Y. Cho Y vào dung dịch NaOH dư thì có 3,36 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc) thoát ra và thu được 16,8 gam phần không tan Z. Mặt khác nếu hòa tan hết hỗn hợp Y bằng dung dịch chứa hỗn hợp HCl 1M và  $\text{H}_2\text{SO}_4$  0,5M thì cần V lít. Giá trị của V là

- A. 0,9.      B. 1,2.      C. 1,0.      D. 1,5.

**Câu 28:** Thêm từ từ 80ml dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  1M vào 100ml dung dịch  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  1M thu được dung dịch Y. Cho  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  dư vào dung dịch Y thì khối lượng kết tủa thu được là

- A. 26,52 gam.      B. 11,82 gam.      C. 28,13 gam.      D. 16,31 gam.

**Câu 29:** Thủy phân hoàn toàn a gam một chất béo X thu được 0,92 gam glixerol; 2,78 gam natri panmitat và m gam natri oleat. Phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Khối lượng phân tử của X là 858.  
B. Giá trị của m là 3,04.  
C. Phân tử X có 5 liên kết  $\pi$ .  
D. 1 mol X làm mất màu tối đa 2 mol  $\text{Br}_2$  trong dung dịch.

**Câu 30:** Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (a) Cho từ từ đến dư dung dịch  $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$  vào dung dịch NaOH.  
(b) Sục  $\text{CO}_2$  đến dư vào dung dịch  $\text{NaAlO}_2$ .  
(c) Cho Ba vào dung dịch  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ .  
(d) Dẫn khí  $\text{H}_2\text{S}$  vào dung dịch  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ .  
(e) Cho kim loại Mg vào dung dịch  $\text{FeCl}_3$  dư.

Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số thí nghiệm thu được kết tủa là

- A. 3.      B. 5.      C. 4.      D. 2.

**Câu 31:** Hỗn hợp khí và hơi X gồm metan, andehit axetic và axit acrylic có tỉ khối so với  $\text{H}_2$  là 31,8. Đốt cháy hoàn toàn 0,05 mol hỗn hợp X rồi hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  (dư) thì khối lượng bình tăng thêm m gam. Giá trị của m là

- A. 5,54.      B. 7,74.      C. 9,54.      D. 7,34.

**Câu 32:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Cho từ từ đến dư dung dịch NaOH vào dung dịch  $\text{CrCl}_3$ , thấy có kết tủa lục xám rồi tan.
- B. Thêm dung dịch kiềm vào dung dịch muối đicromat, thấy dung dịch chuyển từ màu da cam sang màu vàng.
- C.  $\text{Cr}_2\text{O}_3$  là oxit lưỡng tính còn  $\text{CrO}_3$  là oxit axit.
- D. Hòa tan  $\text{CrO}_3$  vào dung dịch NaOH loãng dư, thu được dung dịch có màu lục thẫm.

**Câu 33:** X là este đơn chức, không no chứa một liên kết đôi  $\text{C}=\text{C}$ , Y là este no, hai chức (X, Y đều mạch hở). Đốt cháy hoàn toàn 46,32 gam hỗn hợp E chứa X, Y cần dùng 1,92 mol  $\text{O}_2$ . Mặt khác đun nóng 46,32 gam E cần dùng 660ml dung dịch KOH 1M, thu được một ancol duy nhất và hỗn hợp chứa muối kali của hai axit cacboxylic. Tổng số nguyên tử H có trong phân tử X và Y là

- A. 16.
- B. 14.
- C. 18.
- D. 12.

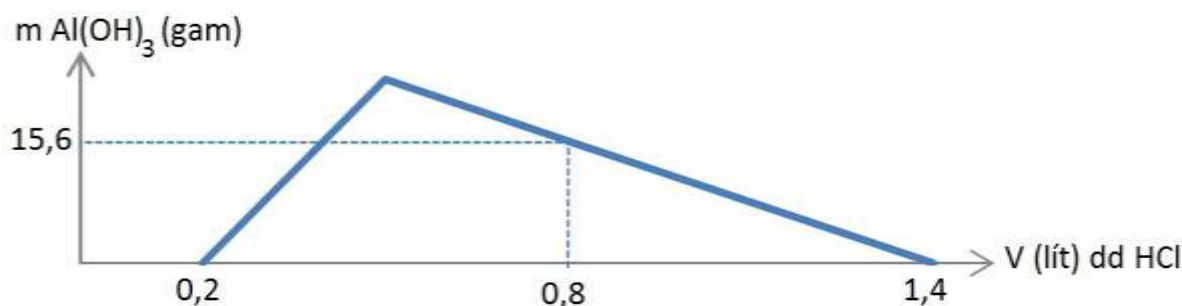
**Câu 34:** X, Y lần lượt là hai  $\alpha$ -amino axit no, mạch hở (phân tử chứa 1 nhóm  $-\text{COOH}$  và 1 nhóm  $-\text{NH}_2$ ), hơn kém nhau một nguyên tử cacbon. Đốt cháy hoàn toàn 0,6 mol hỗn hợp Z gồm X, Y và axit glutamic cần vừa đủ 1,95 mol  $\text{O}_2$  thu được  $\text{H}_2\text{O}$ ; hỗn hợp khí T gồm  $\text{CO}_2$  và  $\text{N}_2$  có tỉ khối so với  $\text{H}_2$  bằng 20,8. Phần trăm khối lượng của amino axit có khối lượng phân tử nhỏ nhất trong Z là

- A. 27%.
- B. 32%.
- C. 49%.
- D. 41%.

**Câu 35:** Điện phân (với điện cực trơ, màng ngăn) dung dịch chứa x mol  $\text{CuSO}_4$  và y mol  $\text{NaCl}$  ( $2x < y$ ) bằng dòng điện một chiều có cường độ 2,68A, sau thời gian t giờ thu được dung dịch Y có khối lượng giảm so với dung dịch đầu là 18,95 gam. Thêm tiếp lượng dư Al vào dung dịch Y, thấy thoát ra 3,36 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc) và dung dịch sau phản ứng chứa 2 chất tan có số mol bằng nhau. Giá trị của t là

- A. 4 giờ.
- B. 5 giờ.
- C. 6 giờ.
- D. 3 giờ.

**Câu 36:** Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm Ba, BaO, Al và  $\text{Al}_2\text{O}_3$  vào nước dư, thu được dung dịch Y và 5,6 lít  $\text{H}_2$  (ở đktc). Nhỏ từ từ đến dư dung dịch HCl 1M vào dung dịch Y. Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc khối lượng kết tủa  $\text{Al}(\text{OH})_3$  theo thể tích dung dịch HCl 1M như sau:



Giá trị của m là

- A. 49,55.
- B. 47,15.
- C. 56,75.
- D. 99,00.

**Câu 37:** Cho m gam hỗn hợp E gồm một peptit X và một peptit Y (biết số nguyên tử nitơ trong X, Y lần lượt là 4 và 5, X và Y chứa đồng thời glyxin và alanin trong phân tử) bằng lượng NaOH vừa đủ, cô cạn thu được  $(m+23,7)$  gam hỗn hợp muối. Đốt cháy toàn bộ lượng muối sinh ra bằng một lượng  $\text{O}_2$  vừa đủ thu được  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  và hỗn hợp hơi F gồm  $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2\text{O}$  và  $\text{N}_2$ . Dẫn toàn bộ hỗn hợp hơi F qua bình đựng NaOH đặc dư thấy khối lượng bình tăng thêm 84,06 gam so với ban đầu và có 7,392 lít một khí duy nhất (ở đktc) thoát ra, các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Thành phần phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp E gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 58,8%.
- B. 49,3%.
- C. 53,1%.
- D. 41,2%.

**Câu 38:** Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X chứa Mg,  $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ , Fe,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  và  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  trong dung dịch chứa 0,10 mol  $\text{HNO}_3$  và 0,75 mol  $\text{H}_2\text{SO}_4$  thu được dung dịch Y chỉ chứa  $(m + 67,58)$  gam hỗn hợp muối và 5,824 lít hỗn hợp khí Z (ở đktc, gồm hai khí trong đó có một khí không màu hóa nâu ngoài không khí) với

tổng khối lượng là 3,04 gam. Cho  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  dư vào Y (điều kiện không có không khí) thu được 223,23 gam kết tủa. Phần trăm khối lượng của  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  có trong X gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 45%.                      B. 38%.                      C. 33%.                      D. 27%.

**Câu 39:** Cho các hợp chất hữu cơ mạch hở: X, Y là hai axit cacboxylic; Z là ancol no; T là este đa chức được tạo bởi X, Y với Z. Đun nóng 33,7 gam hỗn hợp E chứa X, Y, Z, T với 400 ml dung dịch  $\text{NaOH}$  1M vừa đủ thu được ancol Z và hỗn hợp F gồm hai muối. Dẫn toàn bộ Z qua bình đựng  $\text{Na}$  dư thấy khối lượng bình tăng 15 gam; đồng thời thu được 5,6 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc). Đốt cháy hoàn toàn F cần dùng 0,7 mol  $\text{O}_2$  thu được  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ ,  $\text{H}_2\text{O}$  và 0,6 mol  $\text{CO}_2$ . Phần trăm khối lượng của T trong E có giá trị gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 56,4.                      B. 58,9.                      C. 64,1.                      D. 65,0.

**Câu 40:** Hòa tan hoàn toàn 29,68 gam hỗn hợp X gồm Cu, Fe và  $\text{Fe}_3\text{O}_4$  bằng lượng vừa đủ dung dịch chứa hỗn hợp gồm  $\text{HCl}$  1M và  $\text{H}_2\text{SO}_4$  0,5M thu được 0,896 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc) và dung dịch Y chứa m gam chất tan. Cho từ từ dung dịch  $\text{BaCl}_2$  vào dung dịch Y đến khi kết tủa cực đại thì dừng lại, cho tiếp dung dịch  $\text{AgNO}_3$  dư vào, sau phản ứng thu được 211,02 gam kết tủa. Mặt khác cho cùng lượng hỗn hợp X trên tác dụng với dung dịch  $\text{HNO}_3$  đặc, nóng lấy dư thu được 8,736 lít  $\text{NO}_2$  (ở đktc). Giá trị của m là

- A. 60,02.                      B. 52,21.                      C. 62,22.                      D. 55,04.

----- HẾT -----

**ĐÁP ÁN HÓA THI THỬ THPTQG 2018 – THPT LƯƠNG THẾ VINH, ĐỒNG NAI**

**MÃ ĐỀ 132**

|           |          |           |          |           |          |           |          |
|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|
| <b>1</b>  | <b>D</b> | <b>11</b> | <b>A</b> | <b>21</b> | <b>D</b> | <b>31</b> | <b>B</b> |
| <b>2</b>  | <b>C</b> | <b>12</b> | <b>B</b> | <b>22</b> | <b>A</b> | <b>32</b> | <b>D</b> |
| <b>3</b>  | <b>B</b> | <b>13</b> | <b>B</b> | <b>23</b> | <b>C</b> | <b>33</b> | <b>B</b> |
| <b>4</b>  | <b>C</b> | <b>14</b> | <b>C</b> | <b>24</b> | <b>D</b> | <b>34</b> | <b>D</b> |
| <b>5</b>  | <b>D</b> | <b>15</b> | <b>D</b> | <b>25</b> | <b>B</b> | <b>35</b> | <b>B</b> |
| <b>6</b>  | <b>A</b> | <b>16</b> | <b>A</b> | <b>26</b> | <b>B</b> | <b>36</b> | <b>A</b> |
| <b>7</b>  | <b>C</b> | <b>17</b> | <b>C</b> | <b>27</b> | <b>A</b> | <b>37</b> | <b>C</b> |
| <b>8</b>  | <b>D</b> | <b>18</b> | <b>B</b> | <b>28</b> | <b>A</b> | <b>38</b> | <b>D</b> |
| <b>9</b>  | <b>B</b> | <b>19</b> | <b>D</b> | <b>29</b> | <b>B</b> | <b>39</b> | <b>C</b> |
| <b>10</b> | <b>A</b> | <b>20</b> | <b>A</b> | <b>30</b> | <b>C</b> | <b>40</b> | <b>A</b> |